



CÔNG TY CỔ PHẦN PETEC BÌNH ĐỊNH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025,
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Kính thưa Quý vị Cổ đông, các ông/bà Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Kiểm soát (BKS).

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc (TGD) Công ty Cổ phần Petec Bình Định, tôi xin nhiệt liệt chào mừng và cảm ơn toàn thể Quý vị đã dành thời gian tham dự buổi họp ĐHĐCĐ ngày hôm nay.

Căn cứ các quy định của pháp luật, căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Petec Bình Định, thay mặt Ban TGD, tôi xin báo cáo với các Quý vị cổ đông và các ông/bà HĐQT, BKS về các mặt hoạt động của Công ty, kết quả hoạt động của sản xuất kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ và định hướng hoạt động kinh doanh năm 2026 với các nội dung chính như sau:

I. BÁO CÁO CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2025:

1. Đặc điểm tình hình:

1.1 Thuận lợi:

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành quản lý được HĐQT đặc biệt quan tâm, liên tục thực hiện sát sao, qua đó kịp thời ứng phó với những khó khăn khách quan cũng như trong hỗ trợ hoạt động kinh doanh, tổ chức kiện toàn bộ máy.

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể người lao động Công ty phát huy tốt ý thức trách nhiệm, đoàn kết, gắn bó, nỗ lực vượt qua khó khăn, thử thách.

1.2 Khó khăn:



Năm 2025, kinh tế Việt Nam ghi nhận nhiều diễn biến tích cực: Tuy nhiên chỉ trong trong lĩnh vực xuất khẩu và đầu tư nước ngoài, kinh tế trong nước vẫn tiếp tục gặp nhiều khó khăn, nổi lên như: vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp còn nhiều vướng mắc, nhất là trong các lĩnh vực liên quan đến đất đai, xây dựng, đầu tư công; Tác động tiêu cực từ nhiều hiện tượng thiên tai cực đoan, đặc biệt bão, mưa lớn và lũ lụt; Khó khăn trong hoạt động doanh nghiệp khi môi trường kinh doanh có nhiều thách thức, cụ thể: Thách thức từ chính sách tiền tệ và tài khóa, lo ngại về lãi suất tăng, nợ xấu gia tăng trong lĩnh vực ngân hàng và bất động sản. Sức mua của thị trường phục hồi rất chậm.

2. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025:

2.1 Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch:

	Thực hiện năm 2025	So với kế hoạch
Doanh thu	716 tỷ 246 triệu đồng	45,83%
Lợi nhuận sau thuế	8 tỷ 970 triệu đồng	139,68%
Cổ tức	0%	-

(Đính kèm Biểu số 01 - Bảng chi tiết kết quả kinh doanh năm 2025)

2.2 Đánh giá các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025:

2.2.1 Đối với ngành hàng kinh doanh xăng dầu:

- Về kế hoạch SXKD: Sản lượng xăng dầu năm 2025 là 14,64 triệu lít tương đương 67,16% kế hoạch năm;

- Kế hoạch đặt ra trong năm 2025, hoạt động kinh doanh xăng dầu đạt doanh thu 455,996 tỷ, tuy nhiên tình hình thực hiện mới chỉ đạt thu 277,205 tỷ, sản lượng tiêu thụ đạt 14,64 triệu lít xăng dầu các loại. So sánh với năm 2024, sản lượng tiêu thụ vẫn giữ được mức tương đương, chủ yếu đến từ nguồn cửa hàng trực thuộc, đại lý và hộ công nghiệp.

- Công ty đang từng bước bám sát, củng cố tăng cường hệ thống cửa hàng, đại lý, hộ công nghiệp lên số lượng 50 đơn vị, phấn đấu đạt mục tiêu 3 triệu lít mỗi; Trong đó vừa triển khai đầu tư thêm cây xăng dầu, vừa phát triển thêm đại lý về hệ thống. Hiện Công ty đã có 05 cửa hàng, 13 đại lý, 20 hộ công nghiệp.

2.2.2 Đối với ngành hàng Xi-măng:

Kế hoạch đặt ra trong năm 2025 của hoạt động kinh doanh xi-măng là 125.000 tấn tương ứng doanh thu 172,454 tỷ đồng, tuy nhiên tình hình thực hiện mới chỉ đạt 55,76% kế hoạch tương đương sản lượng 69.434 tấn tương ứng doanh thu 96,158 tỷ đồng.

Về thị trường: trong năm 2025 Công ty đã thanh lý Hợp đồng với xi măng Nghi Sơn vì do nhiều nguyên nhân, tuy nhiên yếu tố quan trọng nhất là Công ty không tiếp tục bán lỗ để giữ thị trường mà để tập trung nguồn lực tài chính cho sản phẩm hiệu quả hơn là Phúc Sơn.

Về công nợ: Giám công nợ đọng và thanh toán nhanh trong năm 2025; giảm các khách hàng có công nợ cao.

Về lợi nhuận: Sản lượng giảm so với năm 2024 nhưng về lợi nhuận đạt hiệu quả hơn so với năm 2024 do trong năm 2025 Công ty đã tinh giản bộ máy quản lý và đội ngũ bán hàng với mục tiêu tiết kiệm chi phí nhưng cơ động linh hoạt và hiệu quả.

Trong năm hoạt động kinh doanh xi-măng gặp rất nhiều khó khăn, cụ thể:

- Tình hình kinh tế năm 2025 khá khó khăn, đặc biệt là lĩnh vực bất động sản đóng băng, các mặt hàng kinh doanh thu hẹp, nguồn vốn của các doanh nghiệp giảm do gặp khó khăn về việc thu hồi các khoản nợ.

- 6 tháng đầu năm giá bán sản phẩm Nghi Sơn tiếp tục giảm sâu, Phúc Sơn giảm dẫn đến doanh thu và lợi nhuận giảm; Trong đó, cạnh tranh giá diễn ra phức tạp nhất là tại Gia Lai, giá bán ngang và có thời điểm thấp giá vốn dẫn đến không có lợi nhuận mảng xi-măng Nghi Sơn.

- Sản phẩm giá rẻ tập trung nhiều vào khu vực miền Trung - tăng độ cạnh tranh trên thị trường, các nhãn có thương hiệu bắt buộc cạnh tranh theo làm giảm lợi nhuận. Các đại lý lớn trở thành các nhà phân phối - tăng độ cạnh tranh giữa các nhà phân phối.

- Chi phí trong cơ cấu giá thành còn cao.

- Đặc thù ngành xi măng là bán hàng phải cho nợ, nếu yêu cầu khách thanh toán ngay thì phải hạ giá sâu dẫn đến lợi nhuận thấp, nếu để nợ thì tồn đọng vốn, rủi ro thu hồi nợ.

2.2.3 Đối với các dịch vụ khai thác tài sản trên đất:

Nhìn chung hoạt động khai thác mặt bằng của Công ty năm 2025 tuy chưa hoàn thành kế hoạch do thực tế nhu cầu thị trường thấp do ảnh hưởng bởi nền kinh tế khó

khăn, không đạt như kỳ vọng, nhưng cơ bản ổn định. Công ty đã tìm kiếm các đối tác uy tín, hoạt động kinh doanh chuỗi để khai thác dựa trên lợi thế mặt bằng, vì vậy kết quả thu về đạt tốt. Doanh thu năm 2025 mang này 4.383 tỷ đồng doanh thu, đạt với 64.73% kế hoạch đề ra; bằng 79.47% năm 2024.

2.2.4 Kinh doanh thương mại khác:

Năm 2025, Công ty đã tận dụng tệp khách hàng có sẵn và các mối quan hệ của Ban lãnh đạo để mở rộng kinh doanh đối với nhóm hàng sắt thép, nông sản nhằm tránh doanh thu chỉ phụ thuộc vào 1 nhóm sản phẩm, giảm rủi ro khi thị trường biến động. Năm 2025 doanh thu hoạt động này đạt 359.216 tỷ đồng.

3 Về tình hình đầu tư:

3.1. Bất động sản đầu tư:

Các năm trước, Công ty thực hiện đầu tư bất động sản là các quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Xã Hoàn Sơn, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh. Mục đích sử dụng: đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

Tổng giá trị bất động sản đầu tư là: 21.012.500.000 đồng (Hai mươi một tỷ, không trăm mười hai triệu, năm trăm ngàn đồng chẵn).

Năm 2025, nhận thấy việc tiếp tục nắm giữ những bất động sản này không còn hiệu quả, trong khi lãi vay phát sinh tăng do Ngân hàng tăng lãi suất vì vậy chủ trương của Công ty bán những bất động sản này để thu hồi vốn. Vào thời điểm cuối năm 2025 Công ty đã chuyển nhượng được một bất động sản trong nhóm bất động sản đầu tư hiện có của Công ty. Đầu năm 2026 công ty đã thanh lý được hết số bất động sản này để giảm dư nợ tại các Ngân hàng.

3.2. Dự án đầu tư xây dựng mới:

- DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG “TÒA NHÀ VĂN PHÒNG LÀM VIỆC PETEC” được UBND Tỉnh Bình Định cấp giấy Chứng nhận đầu tư số: 3360540527, ngày 24 tháng 12 năm 2024.

- Địa điểm xây dựng: Lô đất số 349-351 đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Diện tích xây dựng: 523m²

- Quy mô dự án: Tòa nhà gồm 06 tầng nổi và 01 tầng bán hầm.

- Tổng vốn đầu tư: 35.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi lăm tỉ đồng chẵn);
- Tiến độ:
 - Quý IV/2025: Hoàn thành các thủ tục đầu tư, đất đai, xây dựng;
 - Quý IV/2025: Khởi công và xây dựng công trình;
 - Quý IV/2026: Hoàn thành công trình đi vào sử dụng.

4 Về công tác tài chính:

4.1. Tình hình tài sản: Giá trị tài sản cố định đến ngày 31/12/2025 là 20.025.568.485 đồng. Các tài sản của Công ty đều được khai thác sử dụng có hiệu quả.

4.2. Tình hình nợ phải thu:

- Tại thời điểm 31/12/2025, tất cả các khoản nợ phải thu của Công ty đều được đối chiếu với khách hàng.

- Tổng nợ phải thu đến 31/12/2025 là: 348.888.081.052 đồng, tăng 5,8% so với cùng kỳ năm trước.

- Công tác quản lý nợ và thu hồi nợ tiếp tục là một nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2026, nhằm đảm bảo an toàn tài chính và tăng hiệu quả sử dụng vốn.

4.3. Tình hình nợ phải trả:

- Tổng nợ phải trả người bán đến 31/12/2025: 15.793.767.716 đồng.

- Công ty luôn thực hiện việc giám sát chặt chẽ công tác tài chính, gắn trách nhiệm người lao động trong việc sử dụng tài sản của Công ty, thực hiện tốt công tác quản lý tiền hàng, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

4.4. Về tổ chức, lao động:

Tăng cường sự chỉ đạo, điều hành của HĐQT, Ban TGD. Công tác kiểm soát nội bộ được thực hiện thường xuyên liên tục. Để đảm bảo yêu cầu phát triển kinh doanh Công ty đã tăng cường hơn nữa công tác tuyển dụng mới, bên cạnh đó, nâng cao vai trò quản lý tại các đơn vị kinh doanh trên cơ sở tăng trách nhiệm đối với từng cá nhân phụ trách, giao KPI cụ thể đối với mảng kinh doanh, đi đôi với cơ chế thưởng phạt rõ ràng để khích lệ cũng như thay thế các nhân sự không đảm bảo yêu cầu. Công tác phối kết hợp, tham chiếu giữa các phòng chức năng và các đơn vị kinh doanh nhằm gia tăng tính hiệu quả trong quản lý, đặc biệt về vấn đề quản lý vốn, phục vụ công tác kinh doanh được chú trọng.

5. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026:

1. Dự báo tình hình:

Xuất phát từ những rủi ro toàn cầu về căng thẳng địa chính trị, chiến tranh thương mại, cùng những thay đổi căn bản cơ chế vận hành phát triển kinh tế - xã hội tổng thể, vì vậy năm 2026 sẽ tiếp tục là năm nhiều khó khăn cho nền kinh tế và các mảng hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng. Để ổn định và phát triển, năm 2026 Công ty sẽ vẫn tập trung vào các nhóm hàng kinh doanh chính, truyền thống sau:

- Xăng dầu bán buôn (thương nhân phân phối) và bán lẻ;
- Xi-măng và các sản phẩm vật liệu xây dựng;
- Khai thác hiệu quả hệ thống mặt bằng hiện có.

2. Kế hoạch kinh doanh năm 2026:

2.1 Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2026:

Trên cơ sở tình hình thực tế thị trường, Công ty tiến hành xây dựng kế hoạch năm 2026, cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU	Kế hoạch năm 2026	
	Kế hoạch	So với thực hiện 2025
Doanh thu	1.120,3 tỷ đồng	156,41%
Lợi nhuận gộp	54,56 tỷ đồng	245,81%
Lợi nhuận trước thuế	11,56 tỷ đồng	78,27%
Lợi nhuận sau thuế	9,24 tỷ đồng	103,09%

(Đính kèm Biểu số 02 - Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2025).

2.2 Một số định hướng chính trong hoạt động của năm 2026:

- Đối với từng ngành hàng, việc phát triển hệ thống, đặc biệt ở mảng kinh doanh xăng dầu là mục tiêu quan trọng nhất trong giai đoạn hiện nay. Các mục tiêu tiếp theo nhằm ổn định hoạt động kinh doanh gồm có: Tạo sự linh hoạt trong quản lý thuê khoán khu vực kinh doanh xăng dầu bán lẻ nhằm tăng sản lượng bán ra; Khai thác, xây dựng mới hệ thống các kho đảm bảo nhu cầu cấp hàng cho Đại lý xăng dầu; Giữ và phát triển thị trường cung cấp xi măng đi đôi với thực hiện rà soát sát sao công nợ, tồn kho; Hoạt động kinh doanh tài chính đảm bảo các yêu cầu an toàn vốn, có hiệu quả.

- Tăng cường công tác quản trị, kiểm soát tuân thủ, chú trọng phát triển bền vững; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý tài chính, tránh phát sinh nợ xấu, quyết liệt thu hồi các khoản nợ đọng. Nâng cao khả năng quản lý và khai thác tài sản hiện có.

- Thực hiện nâng cao trách nhiệm quản lý, hiệu quả trong điều hành các cấp; Nâng chất lượng lao động - hiệu quả công việc thông qua hệ thống tiêu chuẩn đo lường cụ thể cho từng đơn vị, phòng ban; Triển khai đánh giá thường xuyên và khoa học, tạo công bằng trong phân phối thu nhập.

3. Các giải pháp thực hiện:

Trong bối cảnh nhiều khó khăn như hiện nay, để hoàn thành mục tiêu đề ra, hoạt động kinh doanh của Công ty cần thực hiện tốt các giải pháp sau:

3.1 Giải pháp kinh doanh:

3.1.1 Đối với mảng kinh doanh bán buôn xăng dầu:

- Hệ thống Công ty đặt mục tiêu phát triển năm 2026:

Cửa hàng: tăng thêm 2-3 cửa hàng trực thuộc;

Đại lý: tăng 5-10 đại lý (trong đó có 5 đại lý nhượng quyền bán lẻ xăng dầu);

Hộ công nghiệp: tăng thêm 5 – 10 hộ công nghiệp;

- Nghiên cứu đầu tư hệ thống kho dầu cấp nội bộ với sức chứa khoảng 60 m³ dầu Do tại Cửa hàng Chợ Gầm.

- Đầu tư phương tiện vận tải xăng dầu, để linh hoạt, chủ động trong công tác phục vụ khách hàng, hỗ trợ Cải tiến nâng chất lượng quản lý và khoán ở các cửa hàng xăng dầu trực thuộc của công ty, đảm bảo minh bạch, cụ thể và hiệu quả.

- Đẩy mạnh phát triển bán thương mại tại thị trường phía bắc và phía nam nhằm tăng doanh thu và lợi nhuận cho công ty.

- Tìm kiếm và mở rộng nguồn hàng để đảm bảo nguồn cung nhằm tăng lợi thế cạnh tranh đối với các thương nhân phân phối tại khu vực.

3.1.2 Đối với mảng kinh doanh VLXD:

Hoạt động kinh doanh xi-măng bị tác động mạnh bởi các yếu tố đầu vào do những biến động giá cả của chi phí đầu vào đặt biệt là chi phí nhiên liệu, áp lực cạnh tranh lớn giữa các nhà Phân phối cùng loại sản phẩm trên cùng địa bàn phân phối và những sản phẩm xi măng cùng cấp từ những nhà phân phối khác. Do đó, Ban Tổng Giám đốc cũng đã chủ động triển khai các giải pháp cụ thể như sau:

- Về thị trường và nhân hàng:
- + Về thị trường: tập trung xây dựng hình ảnh và phát triển sản lượng Phúc Sơn đối với các huyện còn lại của Bình Định cũ như Tây Sơn, Vĩnh Thạnh, An Nhơn, Phù Cát, Phù Mỹ; Hoài Nhơn, Hoài Ân, An Lão; đẩy mạnh sản lượng Phúc Sơn khu vực Quy Nhơn, Tuy Phước. Tiếp cận, khôi phục thị trường Kon tum cũ; mở thêm thị trường mới là các huyện đông Gia Lai cũ như: An Khê, Kbang, ĐakPơ; Mangyang, ĐakĐoa.
- + Tiếp tục tiếp cận và thúc đẩy triển khai cung cấp xi măng Phúc Sơn rời cho các Công trình trọng điểm, mục tiêu 2026 là Cao tốc Quy Nhơn – Pleiku.
- + Về nhân hàng: nghiên cứu mở rộng và ký kết làm nhà Phân phối độc quyền hoặc tổng đại lý của một số hãng xi măng khác phù hợp với thị hiếu thị trường nhằm đa dạng hóa mặt hàng.

- Về chi phí: tiếp tục tối ưu chi phí lao động và chi phí khai thác để nâng năng suất phục vụ, quản lý chặt chẽ công nợ, dòng tiền.... nhằm tăng hiệu quả trên đầu tấn bán ra;
- Một số yêu cầu khác:

- + Tăng cường chăm sóc khách hàng, theo hướng trả tiền ngay, tiền trước để có được giá tốt.

- + Xây dựng lại bộ phận thị trường, cùng với việc triển khai kinh doanh xi-măng sẽ phối hợp nghiên cứu mở rộng các ngành nghề liên quan đến ngành hàng VLXD khác.

- + Nâng cao năng lực đội ngũ bán hàng, thiết lập lại hệ thống quản trị bán hàng tại đơn vị.

3.1.3 Đối với mảng khai thác mặt bằng:

- Tiếp tục hợp tác với các đối tác giàu tiềm năng, có thương hiệu để khai thác tối đa những vị trí đất nằm ở trung tâm của công ty để tăng hiệu quả khai thác.

- Tìm kiếm đối tác để khai thác tầng 3 mặt bằng 323 Bạch Đằng và tầng 3,4,5 toà nhà văn phòng Petec 349-351 Trần Hưng Đạo trong thời gian sớm nhất.

3.1.4 Mảng kinh doanh thương mại khác:

Quy Nhơn là vị trí chiến lược để phát triển rất nhiều ngành nghề kinh doanh thương mại dựa vào lợi thế Cảng nước sâu phục vụ cho các tỉnh thuộc Miền Trung - Tây nguyên, cùng với lợi thế của thương hiệu Petec Bidico về mức độ tín nhiệm và thương hiệu tốt tại khu vực nên Ban Tổng Giám đốc sẽ nghiên cứu để mở rộng thêm các ngành nghề kinh doanh khác khi điều kiện cho phép.

3.2 Giải pháp về tài chính:

- Thường xuyên rà soát, hoàn thiện, bổ sung các quy chế quản lý kinh doanh như: quy chế quản lý nợ, quy chế bán hàng ... bảo đảm thuận lợi cho phát triển kinh doanh, bảo toàn vốn và theo đúng quy định của pháp luật. Nâng cao hiệu quả quản lý tài chính, triệt để tiết kiệm chi phí;

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế sử dụng vốn phù hợp nhằm kích thích khu vực thuê khoán bán lẻ xăng dầu, tăng sản lượng bán ra.

- Đối với công tác quản lý nợ phải thu: Tập trung và quyết liệt công tác thu hồi nợ, không để phát sinh thêm nợ xấu.... Nâng tỷ trọng đảm bảo an toàn công nợ bằng bảo lãnh ngân hàng/tài sản đảm bảo;

- Lập kế hoạch, cân đối nhu cầu vốn đầu tư dài hạn và vốn lưu động; xác định nhu cầu vốn hợp lý giữa các ngành hàng để phân bổ nguồn vốn và tìm kiếm nguồn tài trợ với lãi suất tốt nhất;

- Tiếp tục các phương án khai thác và sử dụng tài sản: khai thác 100% các mặt bằng, kho bãi; đối với các mặt bằng/kho bãi đang hợp tác kinh doanh/cho thuê cần đánh giá hiệu quả định kỳ; xem xét phương án đầu tư để nâng cao hiệu quả khai thác; tiếp tục cơ cấu lại các tài sản có hiệu quả khai thác chưa cao hoặc không có phương án sử dụng để thu hồi vốn đầu tư và nâng hiệu suất sử dụng vốn.

3.3 Giải pháp về tổ chức, lao động:

Trong năm 2025, thông qua tuyển dụng mới, năng suất lao động của Công ty đã được cải thiện. Tuy nhiên, công tác kiện toàn bộ máy vẫn phải được tiếp tục thực hiện, áp dụng sâu rộng phương án KPI theo từng ngành hàng để kích thích tăng sản lượng và hiệu quả, đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển SX-KD của Công ty trong tình hình mới.

Tóm lại, Công ty đã rất nỗ lực vượt qua năm 2025 đầy khó khăn, cơ cấu lại toàn bộ hoạt động kinh doanh, tạo lợi nhuận và duy trì ổn định đời sống của CBNV Công ty. Đó là nhờ vào sự quyết liệt của HĐQT, Ban TGD cùng những cố gắng nỗ lực không ngừng của tập thể CBNV Công ty.

Năm 2026 - song hành với những khó khăn hiện nay thì đây cũng là năm mở ra nhiều cơ hội mới. Ban TGD sẽ chú trọng hơn về công tác kiểm soát cũng như dự báo cùng với sự chỉ đạo sâu sát của HĐQT; mục tiêu là phát triển kinh doanh, xây dựng hệ thống bền vững; giữ vững và phát triển nguồn vốn, hoàn thành các chỉ tiêu cơ bản theo kế hoạch đề ra.

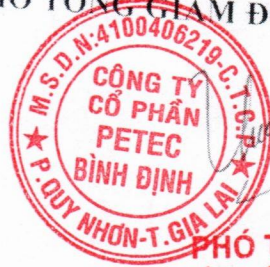
Trân trọng báo cáo Đại hội./

Nơi nhận:

- ĐHĐCD thường niên 2025;
- Lưu P.TC-HC-TH.

Quy Nhơn, ngày 01 tháng 4 năm 2026

TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC THƯỜNG TRỰC



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Ngô Thị Thu Hương

Biểu số 1: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2025

CHI TIÊU	Đvt	Thực hiện năm 2025		
		Thực hiện	So với kế hoạch	So với thực hiện 2024
DOANH SỐ SẢN XUẤT / MUA VÀO	Tr.đồng	689,066.00	45.27%	57.95%
DOANH THU	Tr.đồng	716,246.00	45.82%	58.66%
DOANH THU TIÊU THỤ HÀNG HÓA	Tr.đồng	711,863.00	45.74%	58.57%
Xi-măng	Tr.đồng	96,158.00	55.76%	71.90%
- Trong đó: Xi-măng	Tr.đồng	96,158.00	55.76%	71.90%
+ Lượng bán ra (Phúc Sơn, Nghi Sơn, H.Long)	tấn	69,434.59	55.55%	74.66%
Xăng dầu	Tr.đồng	256,489.00	56.25%	82.70%
- Xăng dầu bán buôn	Tr.đồng	120,256.00	56.47%	81.98%
+ Lượng bán ra	1000 lít	7,166.40	54.29%	137.16%
- Xăng dầu bán lẻ	Tr.đồng	136,233.00	56.05%	83.34%
+ Lượng bán ra	1000 lít	7,474.30	77.86%	95.91%
KD khác (Tôn / Thép / Thực phẩm / Nông sản / Đồng giá)	Tr.đồng	359,216.00	38.71%	46.56%
DOANH THU D/VỤ, CHO THUÊ MẶT BẰNG	Tr.đồng	4,383.00	64.73%	79.47%
KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH				
Tổng doanh thu	Tr.đồng	716,246.00	45.82%	58.66%
Doanh thu thuần	-	714,436.00	45.71%	58.57%
Giá vốn hàng bán	-	692,241.00	45.48%	58.22%
Lợi nhuận gộp	-	22,195.00	53.91%	69.55%
Doanh thu hoạt động tài chính	-	23,020.00	110.85%	103.41%
Chi phí tài chính	-	22,774.00	91.42%	100.48%
Chi phí bán hàng	-	10,662.00	64.84%	61.78%
Trích lập dự phòng	-			
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	9,036.00	79.95%	76.99%
Thu nhập khác		12,262.00		3368.68%
Lợi nhuận trước thuế	-	14,767.00	159.16%	869.16%
Thuế phải nộp	-	5,797.00	202.98%	189.14%
Lợi nhuận sau thuế	-	8,970.00	139.68%	-

Biểu số 2: KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2026

CHỈ TIÊU	Dvt	Kế hoạch năm 2026	
		Kế hoạch	Số với thực hiện 2025
DOANH THU	Tr.đồng	1.120,300	156.41%
DOANH THU TIÊU THỤ HÀNG HÓA	Tr.đồng	1.113,500	156.42%
Xi-măng	Tr.đồng	113,500	118.03%
- Trong đó: Xi-măng	Tr.đồng	113,500	118.03%
+ Lượng bán ra (Phúc Sơn, Hoàng Sơn, Bim Sơn)	tấn	83,500	120.26%
Xăng dầu	Tr.đồng	900,000	350.89%
- Xăng dầu bán buôn	Tr.đồng	540,000	449.04 %
+ Lượng bán ra	1000 lít	21,600	301.41%
- Xăng dầu bán lẻ	Tr.đồng	360,000	264.25%
+ Lượng bán ra	1000 lít	14,400	192.66%
KD khác (Tôn / Thép / Thực phẩm / Nông sản)	Tr.đồng	100,000	27.84%
DOANH THU DỊCH VỤ, CHO THUÊ MẶT BANG	Tr.đồng	6,800	155.14%
KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH			
Tổng doanh thu	Tr.đồng	1.120,300	156.41%
Doanh thu thuần	Tr.đồng	1,115,819	156.18%
Giá vốn hàng bán	-	1,061,260	153.31%
Lợi nhuận gộp	Tr.đồng	54,559	245.81%
Doanh thu hoạt động tài chính	-	5,000	21.72%
Chi phí tài chính	-	23,000	100.99%
Chi phí bán hàng	-	15,000	140.69%
Trích lập dự phòng	-		
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	10,000	110.67%
Thu nhập khác	-		
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	11,559	78.27%
Thuế phải nộp	-	2,312	39.88%
Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	9,247	103.09%

Biểu số 3: BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Toàn văn Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (đã được kiểm toán): *đăng tải tại trang điện tử của Công ty "petechidico.com.vn", mục Quan hệ cổ đông/Báo cáo Tài chính.*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Tên chỉ tiêu	Mã số	T.minh	Cuối kỳ	Đầu kỳ
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		385,782,367,131	424,401,994,836
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1,591,522,999	49,581,555,007
1. Tiền	111		1,591,522,999	14,181,555,007
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	35,400,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5,711,084,799	23,548,375,873
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá Chứng khoán kinh doanh(*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5,711,084,799	23,548,375,873
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		375,028,276,632	342,434,110,481
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		348,888,071,352	329,525,888,233
2. Trả trước cho người bán	132		21,911,504,006	7,804,516,110
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		6,825,000,911	7,718,005,775
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(2,596,299,637)	(2,614,299,637)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		3,163,792,449	8,211,486,543
1. Hàng tồn kho	141		3,163,792,449	8,211,486,543
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		287,690,252	626,466,932
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		152,309,161	491,085,841
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		135,381,091	135,381,091
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	153		-	-

B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	200	39,652,329,306	49,960,714,852
I- Các khoản phải thu dài hạn	210	-	-
II. Tài sản cố định	220	19,809,440,057	25,363,615,537
1. Tài sản cố định hữu hình	221	18,908,792,057	24,462,967,537
- Nguyên giá	222	46,012,239,680	56,938,285,685
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(27,103,447,623)	(32,475,318,148)
1. Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-
1. Tài sản cố định vô hình	227	900,648,000	900,648,000
- Nguyên giá	228	900,648,000	900,648,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	16,400,000,000	21,012,500,000
- Nguyên giá	231	16,400,000,000	21,012,500,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232	-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	435,368,686	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	435,368,686	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	1,543,436,183	1,774,361,893
1. Đầu tư vào Công ty con	251	-	-
2. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	252	-	-
3. Đầu tư khác vào công cụ vốn	253	5,479,064,524	5,479,064,524
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	(3,935,628,341)	(3,704,702,631)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	1,464,084,380	1,810,237,422
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	1,464,084,380	1,810,237,422
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	425,434,696,437	474,362,709,688

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
01	02	03	04	05
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	716,245,953,703	1,221,000,558,211
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1,810,302,194	1,137,591,212
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		714,435,651,509	1,219,862,966,999
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	692,240,531,071	1,189,090,377,844
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		22,195,120,438	30,772,589,155
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	23,019,646,813	22,261,010,002
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	22,774,245,847	22,665,551,782
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		22,152,119,137	22,662,951,051
8. Chi phí bán hàng	24		10,661,679,700	17,258,393,314
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9,035,697,708	11,736,898,935
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2,743,143,996	1,372,755,126
[30 = 20 + (21-22) - (24+25)]				
11. Thu nhập khác	31		17,055,732,647	363,957,164
12. Chi phí khác	32		5,031,818,029	38,181,400
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		12,023,914,618	325,775,764
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		14,767,058,614	1,698,530,890
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	5,796,681,314	3,064,692,499
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		8,970,377,300	(1,366,161,609)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)			2,221	(338)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	70			

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		14.767.058.614	1.698.530.890
2. Điều chỉnh cho các khoản			14.038.041.519	22.622.580.508
- Khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư	2	V.9	2.331.700.003	2.675.642.014
- Các khoản dự phòng	3	V.6	212.925.710	(535.315.703)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(10.658.703.331)	(2.180.696.854)
- Chi phí lãi vay	6	V.18	22.152.119.137	22.662.951.051
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		28.805.100.133	24.321.111.398
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		(32.594.166.151)	(17.256.757.610)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		5.047.694.094	1.230.326.470
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		6.254.746.025	387.699.884
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		684.929.721	(701.190.611)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(22.472.088.602)	(23.432.758.409)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.039.290.284)	(2.216.614.537)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(672.937.127)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(17.313.075.064)	(18.341.120.542)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				

1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	VII.3	(2,435,648,957)	(26,083,320,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		16,997,818,415.00	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1,162,708,926)	(10,935,829,573)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	VII.4	19,000,000,000	7,887,453,700
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	VII.5		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,329,061,603	2,137,689,205
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		33,728,522,135	(26,994,006,668)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.15.21	882,973,541,600	1,306,539,519,495
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.15.21	(947,379,020,679)	(1,258,306,830,451)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(501,600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(64,405,479,079)	48,232,187,444
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(47,990,032,008)	2,897,060,234
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	49,581,555,007	46,684,494,773
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	V.1	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	31	1,591,522,999	49,581,555,007